

LY HÔN Ở MỸ VÀ NHỮNG HẬU QUẢ CỦA NÓ

★★★

NGUYỄN THANH (lược thuật)

Vấn đề ly hôn ở Mỹ lớn đến nỗi là, ngoài hàng loạt các tạp chí về hôn nhân gia đình, vào năm 1977 một tạp chí riêng về đề tài này đã được xuất bản. Một nhà xã hội học đã ước tính gần 12% đám cưới của phụ nữ sinh vào những năm 1900-1904 kết thúc bằng ly dị. Với phụ nữ sinh vào những năm từ 1940 - 1944 con số này lên tới 30-40%. Chỉ số ly hôn năm 1975 ở Mỹ cho biết là cứ 1000 dân thì có 4,8 vụ ly hôn (so với Canada là 2,00, Mêhicô là 0,27, Anh 2,14, CHLB Đức 1,73, Hunggari 2,46 và Liên Xô 3,1). Theo W Goode, tính chất dễ dãi của việc kết hôn và bản thân việc có nhiều cuộc ly hôn cũng làm tăng mức độ ly hôn* ... và có thể chắc chắn là hầu hết những cặp vợ chồng đã ly hôn đều tính đến việc kết hôn lại.

W Kephart nhấn mạnh những nhân tố gây nên những thay đổi thể chế gia đình và do đó dẫn đến ly hôn: 1) Chức năng gia đình thay đổi (nhất là nhức năng giáo dục trẻ) 2) Người phụ nữ đã có chồng mà vẫn đi làm, họ độc lập về kinh tế và đòi hỏi người chồng ngày càng cao, 3) việc giảm đi ảnh hưởng của bố mẹ đối với sự lựa chọn vợ chồng, giảm đi ý nghĩa của tôn giáo và sự trừng phạt xã hội chống lại ly hôn 4) “Triết lý về hạnh phúc cá nhân” được tuyên truyền một cách rộng rãi (hôn nhân được duy trì không chỉ trên cơ sở trách nhiệm mà còn trên sự thoả mãn và cảm giác hạnh phúc trong cuộc sống chung của vợ chồng) 5) Sự thay đổi nhịp

* Lược thuật phần viết “Gia đình như là hình thức của giao tiếp xã hội” bằng tác phẩm “Nước Mỹ qua con mắt các nhà xã hội học Mỹ” của Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô. Nhà xuất bản khoa học, Matxcova 1982.

điều và phong cách sống do quá trình công nghiệp hóa và đô thị hoá. Bên cạnh đó, lòng sùng bái sự thành đạt và tiêu dùng, tính ích kỷ, tệ đánh đập vợ con... cũng là những nhân tố thúc đẩy ly hôn. Có hai nhóm nhân tố thường được xem xét trong tất cả các công trình ở Mỹ nhằm tìm ra tỷ lệ ly hôn ở các nhóm xã hội về động cơ ly hôn.

1. Các nhân tố lịch sử hình thành hôn nhân như:

Tính ổn định trong quan hệ gia đình bố mẹ ảnh hưởng đến độ bền vững của gia đình con cái.

- Lứa tuổi kết hôn: theo số liệu mà P.Krishnan, đã đưa ra ở 18 bang của nước Mỹ từ thì những người kết hôn trẻ có nhiều khả năng ly hôn hơn, do tính cách chưa trưởng thành, do khó khăn về tài chính và địa vị xã hội thấp kém. Bản thân việc những người trẻ tuổi kết hôn có thể được xem xét như là nguyên nhân của ly hôn (theo Price Bonham S. và J. Balswick).

Có mang trước khi cưới ảnh hưởng tiêu cực đến tính ổn định của gia đình. (Theo Krishnan 30% phụ nữ trẻ hơn 20 tuổi có mang trước khi cưới, trong khi phụ nữ già hơn 25 tuổi chỉ có 6%). Ly hôn của những phụ nữ có mang trước vượt quá hai lần những người khác. F. Fustenberg cho rằng việc có mang trước khi cưới cản trở quá trình phát triển bình thường của quan hệ giữa vợ chồng tương lai, làm mất đi một trong những giai đoạn quan trọng của thời kỳ chuẩn bị cưới...

2. Các nhân tố xã hội - kinh tế như:

- Môi quan hệ phức tạp giữa trình độ học vấn và ly hôn theo H.Carte và P.Glick, những người ly hôn thường là những người không có trình độ đại học và người học đại học mà không tốt nghiệp thì ly hôn nhiều hơn là người tốt nghiệp phổ thông.

Nghề nghiệp và thu nhập: P.Cutright coi “chính thu nhập chứ không phải trình độ học vấn đã ảnh hưởng đến tính ổn định của cuộc hôn nhân thứ nhất: 83% những viên chức có trình độ nghề nghiệp cao sống cùng với người vợ đầu tiên, còn những người không có chuyên môn là 75,8%. Theo ông, đa số người chồng cưới người vợ đầu tiên bất chấp địa vị xã hội kinh tế, trình độ học

vấn cao nghĩa là phải kết hợp với tiền lương cao: uy tín, địa vị nghề nghiệp và trình độ giáo dục có ảnh hưởng đến tính ổn định của hôn nhân vì mức lương phụ thuộc vào đó. Chúng tộc không phải là lý do ly hôn, thực chất là vì địa vị xã hội của người da màu quá thấp.

Người phụ nữ đi làm ly hôn nhiều hơn người không đi làm vì khi họ đi làm, cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa vợ chồng gay go thêm và xung đột cũng bắt đầu từ đó. Người phụ nữ không đi làm phải làm tất cả để gìn giữ gia đình dù đó chỉ vì nguyên nhân kinh tế. Tôn giáo: Do nhà thờ cấm đoán, người theo đạo công giáo ít ly hôn hơn những người theo đạo Tin lành hoặc những cặp vợ chồng thuộc những tôn giáo khác. G.Levenger đã nghiên cứu động cơ cơ ly hôn từ 600 cặp vợ chồng, 36,8% phụ nữ và 3,3% đàn ông coi nguyên nhân cơ bản của ly hôn là những trận đòn và mắng chửi nhau có hệ thống. Người phụ nữ coi tài chính và tệ nghiện rượu là nguyên nhân ly hôn nhiều gấp bốn lần so với đàn ông. Ngoài ra, họ cũng thường xuyên phàn nàn về những lời nói thô lỗ, cục cằn về việc không chăm lo đến nhà cửa và con cái, không có tình yêu. Người chồng thường xuyên hơn vợ phàn nàn về họ hàng, về việc không thỏa mãn tình dục... Phụ nữ ở giai cấp hạ lưu thường nhắc đến tài chính, nghiện rượu và những trận đòn... phụ nữ trung lưu phàn nàn về việc không có tình yêu, việc vợ chồng không chung thủy, và những đòi hỏi quá cao của người chồng...

Vậy hôn nhân hạnh phúc là gì? S.Order và N.Bradburn đã phát hiện ra rằng, những cặp vợ chồng coi hôn nhân của mình “rất hạnh phúc” thường đánh giá cao “chỉ báo về tình bạn vợ chồng” (cùng nhau đi xem phim, đi thăm bạn bè, tâm sự buổi tối, cùng đi dạo chơi và du lịch) và đánh giá thấp “chỉ báo về tính căng thẳng vợ chồng” (ít khi cãi nhau vì quan hệ với bố mẹ của mỗi người, ít xung đột vì mệt mỏi và không có tình yêu...).

Để có thể xem xét khách quan về nguyên nhân ly hôn ở Mỹ, cần phải đề cập đến những trở ngại bên ngoài, trước hết là luật ly hôn. Ở nhiều bang, những trở ngại của đạo luật khá mạnh. Thí dụ: “Sự khác biệt tính cách” (mà ở Liên Xô là nguyên nhân cơ bản của tất cả các cuộc ly hôn) thì ở Mỹ chỉ được coi là lý do để ly hôn trong 4 bang. Ly hôn vì “không chung thủy” giảm đi nhiều. Thời gian gần đây luật ly hôn được “tự do hoá”. Đó là sự biến

đôi trong đạo luật của bang Niu Oóc. Tuy nhiên, chính điều đó đã dẫn đến việc là năm 1968 con số các vụ ly hôn tăng gấp đôi, còn năm 1979 thì tăng gấp ba lần.

*

* *

Có thể chia hậu quả của ly hôn thành ba nhóm:

Hậu quả với chính những người ly hôn: Ly hôn đối với mỗi cá nhân có liên quan đến việc nhất thiết phải giải quyết một loạt những vấn đề mang tính xã hội và tâm lý. Theo ý kiến của V.Vallepa thì hậu quả đó bao gồm: 1) Tổ chức lại mối quan hệ giữa các cá nhân, tìm kiếm tình yêu và thiết lập quan hệ tình dục mới, 2) Khôi phục lại lòng tự trọng để vượt qua ý thức về lỗi lầm và nỗi đau đớn sau ly hôn, 3) Thay đổi thói quen và sở thích cá nhân có liên quan đến cuộc hôn nhân vừa tan vỡ, 4) Thay đổi quan hệ đối với bạn bè và người quen, mà trước đó là thân thiết của cả hai vợ chồng, 5) Nảy sinh những phức tạp về kinh tế (thường là ở người phụ nữ) do việc nhất thiết phải kiếm sống, 6) Những vấn đề liên quan đến sự thay đổi bản thân do hiểu biết và giải quyết các xung đột bên trong của mình việc xây dựng lại cuộc sống mới... và hàng loạt những vấn đề liên quan đến con cái.

Ly hôn là một trong những mất mát lớn nhất trong cuộc sống của mỗi người đã trưởng thành. Nó có ảnh hưởng rất đặc biệt đến toàn bộ đời sống sau đó của mỗi cá nhân. Số liệu bệnh nhân của các bệnh viện tâm thần đã xác nhận ly hôn là một thử thách nặng nề đối với mỗi người, Người ly hôn thường mắc bệnh tâm thần nhiều nhất (so với những người góa, những người sống đơn độc...). Người ly hôn thường bị tai nạn ô tô nhiều gấp ba lần những người khác, họ cũng thường nghiện rượu và mắc các bệnh về thể xác hơn người thường... Số vụ tự sát của những người đã ly hôn cũng rất cao... Quá trình thích nghi sau ly hôn thường đặc biệt khó khăn và dài. Có rất nhiều nhân tố thúc đẩy hoặc ngược lại làm phức tạp thêm quá trình này. G. Spanier và R. Casto đã phân tích tỉ mỉ ấn tượng và những cảm xúc mạnh của 50 người được hỏi đã ly hôn. Họ đã chia làm hai kiểu thích nghi: Chịu đựng vượt qua những đổ vỡ của gia đình và sau đó tạo ra một lối sống mới. Hai ông

nhận thấy rằng, cuộc ly hôn của hai vợ chồng càng bất ngờ và đột ngột thì thích nghi càng khó khăn hơn. Đó là chưa kể đến sự tác động của những vấn đề có liên quan khác như việc phân chia tài sản và con cái, giải quyết các quan hệ họ hàng kinh tế xã hội và giới tính. Theo điều tra của G.Cohen, A. Braun và R.Feldberg thì đa số trong 30 phụ nữ được hỏi trên thực tế không muốn ly hôn. Những vấn đề cơ bản mà họ đã gặp sau ly hôn là: Kinh tế khó khăn, các cơ quan chính thống không tôn trọng những người phụ nữ làm chủ gia đình, thiếu thốn thời gian và sức lực để một mình làm mọi việc, cảm thấy mất lòng tin và bị xã hội kết án từ mọi phía. Ở những người đã ly hôn, trong quan hệ đối với người chồng cũ có không ít khó khăn, dù điều đó có vẻ ngược đời, nhưng trên thực tế những khó khăn bao giờ kết thúc cùng với cuộc ly hôn. Mặc dù cuộc chung sống có tính phức tạp không tự giải quyết, nhưng lại có một sức mạnh chưa từng biết tới dường như đã xô đẩy và cuốn hút họ lại với nhau và điều đó đã dẫn đến những quan hệ tình dục thường được tiếp tục sau ly hôn những cặp vợ chồng cũ.

Hậu quả đối với con cái: Năm này qua năm khác, con số trẻ em bị dính líu vào cuộc ly hôn ngày càng tăng. Nếu như năm 1953 con số này là 330 nghìn thì 1959 là 840 nghìn. Vào đầu những năm 70 gần 16% các cặp ly hôn đã có con. Số trẻ em được chung sống với cả hai bố mẹ giảm xuống ở Mỹ từ 85% năm 1968 đến 80% năm 1976. Theo tính toán của M, Bein gần 38,6% trẻ em sinh vào năm 1976 đã trải qua bi kịch ly hôn của bố mẹ trước khi bước vào tuổi thành niên. Số lượng các vụ ly hôn đặc biệt lớn trong những gia đình có con dưới 6 tuổi. Tỷ lệ phần trăm trẻ em được giáo dục trong độ tuổi này thiếu bố đã tăng từ 7% năm 1968 đến 15% năm 1974. Năm 1974, 1 trong 8 đứa trẻ bé hơn 3 tuổi (13%) sống trong những gia đình không đầy đủ. Một công trình thực nghiệm đã so sánh 3 nhóm trẻ em: từ những gia đình hạnh phúc, những gia đình bất hạnh và từ những gia đình ly hôn. Rõ ràng là trẻ em là trong gia đình hạnh phúc thường tốt đẹp ở mọi khía cạnh. So sánh trẻ em ở hai nhóm sau thì thấy trẻ em trong những gia đình ly hôn ít mắc bệnh tâm lý hơn, chúng rất ít phạm pháp và có những quan hệ tốt hơn dù chỉ với bố hoặc mẹ. Quan hệ mẹ - con trong gia đình người mẹ sống đơn độc tốt hơn những gia đình người mẹ kết hôn lại. Hậu quả hết sức bất lợi của ly hôn đặc biệt lớn đối với

trẻ em ở những nhóm xã hội coi trọng những chuẩn mực và sự trừng phạt chống lại ly hôn.

Ly hôn thay đổi kết cấu gia đình, nơi mà đứa trẻ đã quen sống từ thuở nhỏ. Vấn đề con cái ở với mẹ (vắng mặt bố) đã trở nên nghiêm trọng. Ảnh hưởng này đến đứa trẻ rất nhiều. Do ly hôn, địa vị kinh tế - xã hội của gia đình bị sa sút một cách tồi tệ. Năm 1976, 58% gia đình do người phụ nữ làm chủ có mức sống thấp hơn cả sự nghèo đói, trong khi đó cùng những gia đình như vậy do người đàn ông làm chủ thì mức sống chỉ có ở 8,5%. Cygna và Xepzor đã giả thiết ảnh hưởng của gia đình thiếu bố thường là: thiếu mẫu hành vi ứng xử có tính nam giới trong sự hình thành cặp vai trò hoặc là thiếu sự kiểm tra có tính nam giới trong hành vi và kỷ luật công việc. Một trong những nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến hành vi của đứa trẻ là quan hệ giữa người bố và đứa trẻ đó. Theo số liệu của Rutter, trong những gia đình có xung đột, ở đó dù quan hệ của bố mẹ với con cái vẫn tốt thì cũng có đến 40% trẻ em mắc những hành vi phản xã hội, còn trong những gia đình quan hệ vợ chồng không bình thường cộng thêm với việc không có tiếp xúc với đứa trẻ thì con số này là 90%. Nghiên cứu của Hexirinton đã chỉ ra rằng, hai năm sau ly hôn người mẹ mình thấy nản chí và trở nên độc ác thậm chí có những quan hệ cực kỳ xấu đối với đứa trẻ. Nhiều nghiên cứu xác nhận rằng ly hôn có ảnh hưởng sâu sắc nhất là đối với trẻ con dưới 6 tuổi. Ảnh hưởng đặc biệt không lành mạnh đối với trẻ em còn bởi vì mẹ của những đứa trẻ nhỏ thường gặp những khó khăn rất lớn. Ở những lứa tuổi khác nhau trẻ em có những kiểu phản ứng khác nhau đối với ly hôn. Nghiên cứu thực nghiệm “trẻ em và ly hôn” của Kelly và Valleretein cho thấy, trẻ em từ 3, 5 tuổi đến 6 tuổi thường ý thức cao những lầm lỗi và tự hạ mình do cuộc ly hôn của bố mẹ: trẻ em trong độ từ 7 đến 8 tuổi thường tức giận và hờn dỗi đặc biệt là với người cha: trong độ từ 10 đến 11 tuổi trẻ em cảm thấy bị bỏ rơi, bực bội và giận dỗi với cả hai bố mẹ, nhiều đứa xấu hổ vì những quan hệ của gia đình. Chỉ trong lứa tuổi từ 13 đến 18 cùng với cảm giác mất mát, hờn dỗi... trẻ em đã có khả năng nhìn nhận một cách chính xác nguyên nhân của ly hôn và quan hệ của mình với bố mẹ. Dựa trên những phân tích cho thấy trẻ em trong những gia đình vắng cha thường

học tồi hơn nhưng lại không kém gì về phẩm chất tư duy trí lực. Một vài tác giả Mỹ đã kết luận rằng vai trò của người cha- với tư cách là người trực tiếp xã hội hoá đứa trẻ là không lớn và gia đình không đầy đủ ở Mỹ là hình thức gia đình có sức sống bền vững cũng như gia đình đầy đủ ở Mỹ là hình thức gia đình có sức sống bền vững cũng như gia đình đầy đủ vậy. Tuy nhiên, phải nhận thấy việc người mẹ phải đảm nhận tất cả trách nhiệm (mà trước đó cả hai vợ chồng cùng lo) là rất khó khăn: họ phải tính toán ngân sách giáo dục con cái trong điều kiện không có sự ủng hộ của người bạn đời, mặt khác lại luôn luôn cảm thấy mình có lỗi trong cuộc ly hôn và không tin vào ngày mai của đứa con mình. Vắng cha rõ ràng có ảnh hưởng đến đứa trẻ mặc dù còn phụ thuộc vào khả năng đền bù của người mẹ. Ảnh hưởng đó rất trực tiếp đến sự tự ý thức của đứa trẻ, (thường được hình thành trong 2-3 năm đầu tiên của cuộc đời) ở lứa tuổi lớn hơn, vắng cha có ảnh hưởng tiêu cực đến việc nắm vững các chuẩn mực xã hội của đứa trẻ đến sự hình thành tâm lý cân đối của chúng.

Hậu quả đối với xã hội: Có hai mặt tích cực và tiêu cực. Một mặt ly hôn đã giải phóng cho rất nhiều cặp vợ chồng trước hết là phụ nữ. Mặt khác ngoài ảnh hưởng đến chính những người ly hôn và con cái họ, ly hôn còn gây ra trong quần chúng quan niệm ly hôn là dễ dàng, điều đó làm tăng các cuộc kết hôn vội vàng và làm cho người ta không có thiện chí cộng tác cùng nhau để giải quyết các xung đột của gia đình.

Nhiều tác giả Mỹ muốn chứng minh rằng, gia đình Mỹ không đến nỗi tồi tệ như mọi người thường quan niệm vì có thể tỷ lệ ly hôn ở Mỹ cao nhất thế giới nhưng kết hôn lại cũng không phải là ít. Cần phải tính đến tính chất nghiêm ngặt của luật ly hôn trong đa số bang của đất nước này. Khi luật ly hôn thực sự “tự do hoá” và khi người phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động nghề nghiệp thì ly hôn ở Mỹ sẽ còn lớn hơn nữa. Các “tác giả của gia đình Mỹ hiện đại khẳng định rằng nếu có nhiều cuộc ly hôn nhưng lại có nhiều cuộc kết hôn lại thì điều đó chỉ có nghĩa là mọi người đã tìm và tìm thấy những kiểu chung sống vợ chồng vừa ý nhất đối với họ. Tuy nhiên, các số liệu rút ra từ nhiều công trình xã hội học Mỹ về ly hôn cho thấy rất ít có cơ sở để lạc quan như vậy.